

Bản án số: 62/2024/HS-ST

Ngày: 25-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tụ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Chí Trường;

Ông Trần Chí Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Hậu – Kiểm sát viên.

Vào Các ngày 04, 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2024/HSST-QĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Lê Thị T, sinh ngày 01-01-1950 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1, không rõ năm sinh (chết) và con bà Trần Thị H, không rõ năm sinh (chết); Chồng Lê Văn N, sinh năm 1949 (đã ly hôn); anh chị em: 08 người, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; có ba người con lớn nhất sinh năm 1974, nhỏ nhất sinh năm 1980; tiền sự: Ngày 26-4-2024 bị Công an thị trấn S, huyện T xử phạt 400.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự nơi công cộng”; tiền án: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; Về nhân thân: Ngày 29-7-1997 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 20 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” (đã xóa án tích); Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị T:* Ông Ngô Quang Thế L luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ (có mặt).

2/ Lê Văn T2, sinh ngày 01-01-1978 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi thường trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: Khóm B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N, sinh năm 1949 và con bà Lê Thị T, sinh năm 1950; có 03 anh chị em: Bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ Hồ Thị L1, sinh năm 1973; có 03 người con lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền sự: Không; tiền án: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Không. Về nhân thân: Ngày 27-12-2006 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã xóa án tích); Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cầm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh (có mặt).

- *Bị hại:*

1/ Lê Văn S, sinh năm 1960 (có mặt);

2/ Nguyễn Thị T3, sinh năm 1957 (có mặt);

3/ Nguyễn Kim L2, sinh năm 1969 (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Kim K, sinh năm 1991 (có mặt).

Cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1/ Võ Văn T4, sinh năm 1969 (có mặt);

2/ Lê Văn R, sinh năm 1985 (có mặt);

3/ Phan Quốc T5, sinh năm 1972 (vắng mặt);

4/ Phan Thị C, sinh năm 1989 (có mặt);

5/ Nguyễn Công T6, sinh năm 1982 (có mặt);

6/ Huỳnh Văn L3, sinh năm 1979 (có mặt);

7/ Nguyễn Công H1, sinh năm 2007 (vắng mặt);

8/ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970 (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước giữa bà Lê Thị T với bà Nguyễn Kim L2 và bà Nguyễn Thị T3 cùng cư trú Ấp B, xã T, huyện T nên vào khoảng 15 giờ ngày 25-5-2024, T chạy xe ngang qua nhà bà L2 thì dừng xe lại la lối lớn tiếng và chửi bà L2 và bà T3, lúc này Nguyễn Kim K (con bà L2) thấy bà T chửi nhiều lần nên đi ra gặp bà T để nói chuyện thì giữa K và bà T xảy ra cự cãi, câu vật với nhau bằng tay làm cả hai té ngã xuống đường thì được anh Huỳnh Văn L3 và Nguyễn Công H1 can ngăn, không ai bị thương tích gì, sau đó K bỏ đi qua thị trấn S.

Đến khoảng 18 giờ 10 phút ngày 25-5-2024, Lê Văn T2 (con bị cáo T) hay tin vụ việc nên cùng đến nhà bà L2, lúc này bị cáo T tiếp tục la lối, lớn tiếng chửi bà L2 và K, bị cáo T dùng gạch ống và cục đá ném vào nhà bà L2, viên gạch bị bể làm văng trúng gây thương tích cho bà L2 ở đùi trái. Tiếp tục bị cáo T cầm viên gạch ống xông vào nhà đập phá làm hư hỏng xe mô tô biển số: 66K1-021.07 của bà L2, sau đó T và T2 bỏ đi đến nhà của anh T7 (con bị cáo T) gần nhà bà L2 tiếp tục la lối. Lúc này bà Nguyễn Thị T3 nghe la chửi lớn tiếng nên bà T3 từ nhà đi lại để kêu ông Lê Văn S (chồng bà T3) về nhà, vì sợ có chuyện với bị cáo T, khi bà T3 đi ngang nhà của T7 thì bị cáo T nhìn thấy nên đi vào nhà của T7 lấy cây búa bằng kim loại, cán bằng gỗ chạy ra đánh trúng vào vùng lưng của bà T3 01 cái gây thương tích; lúc này ông S đang ngồi uống nước ở gần nghe tin bà T3 bị bị cáo T đánh nên chạy ra đường thì ông S gặp T2 nên S dùng chân đạp vào đùi T2 01 cái, T2 dùng tay đánh nhiều cái trúng vào vùng trán ông S làm ông S bị té ngã xuống đường đal bị chảy máu ở vùng trán và xương sườn nên được mọi người đưa ông S đến Trung tâm y tế huyện T, đến ngày 31-5-2024 thì ra viện. Riêng bà L2 và bà T3 cũng đến Trung tâm y tế huyện T thương tích.

* Vật chứng của vụ án thu giữ:

- 01 xe mô tô biển số: 66K1-021.07 bị hư hỏng một số bộ phận (nhựa ốp đèn chiếu sáng, nhựa ốp đồng hồ, nhựa ốp đèn sau), xe đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã xử lý trả lại cho bị hại Nguyễn Kim L2.

- 01 cây búa chiều dài 32,5cm, phần cán bằng gỗ dài 30cm, phần lưỡi bằng kim loại dẹp ở hai đầu, rộng 2,5cm, dài 12,5cm.

- 03 viên gạch ống; nửa viên gạch thẻ; 04 cục đá (loại đá 4x6) và nửa miếng gạch tàu (loại gạch dùng để lót nền).

- 01 đoạn video clip ghi lại diễn biến vụ việc vào ngày 25-5-2024 (đã đưa vào lưu hồ sơ vụ án).

* Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 349/KLTTCT-TTPYĐT ngày 20-6-2024 của Trung tâm pháp Y Sở Y kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Văn S như sau:

- Sẹo vết thương phần mềm trán phải, kích thước nhỏ. Tỷ lệ tổn thương: 03%.
- Vết biến đổi sắc tố da vùng cằm. Tỷ lệ tổn thương: 01%.
- Chân thương phần mềm hạ sườn phải không thấy dấu vết thương tích.

Không cho tỷ lệ phần trăm.

- Gãy xương sườn 5, 6, 7, 8, 9 bên phải can liền tốt. Mỗi xương: 02%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 13%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28-8-2019 của Bộ Y1.

- Kết luận khác:

+ Các tổn thương trên do vật tày gây ra.

+ Gãy cũ xương sườn 3, 4, 8, 9, 10 bên trái. Xơ và vôi hóa vùng đỉnh 02 phổi là tổn thương cũ không cho tỷ lệ phần trăm.

* Tại Kết giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 323/KLTTCT-TTPYĐT ngày 14-6-2024 của Trung tâm pháp Y Sở Y kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị T3 như sau:

- Vết biến đổi sắc tố da lưng phải. Tỷ lệ tổn thương: 01%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28-8-2019 của Bộ Y1.

- Kết luận khác: Vết biến đổi sắc tố da trên do vật tày gây ra.

* Tại Kết giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 322/KLTTCT-TTPYĐT ngày 14-6-2024 của Trung tâm pháp Y Sở Y kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Kim L2 như sau:

- Vết biến đổi sắc tố da mặt sau 1/3 giữa đôi mắt trái. Tỷ lệ tổn thương: 0,5%.

- Vết biến đổi sắc tố da mặt ngoài 1/3 giữa đôi mắt trái. Tỷ lệ tổn thương 0,5%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Kim L2 là: 01%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28-8-2019 của Bộ Y1.

- Kết luận khác: 02 vết biến đổi sắc tố da trên do vật tày gây ra.

* Tại Kết giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 350/KLTTCT-TTPYĐT ngày 20-6-2024 của Trung tâm pháp Y Sở Y kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Thị T như sau:

- Chấn thương phần mềm vùng trán, mặt, ngực, bụng hiện không còn dấu vết thương tích. Không cho tỷ lệ phần trăm.

- Kết luận khác: Các chấn thương phần mềm vùng trán, ngực, bụng do vật tày gây ra.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 15/KL-HĐĐG ngày 18-6-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát: 66K1- 021.07, nhãn hiệu HELLO@, số máy 200099, số khung 81000099, màu sơn xanh - xám, bị hư hỏng gồm:

+ Nhựa ốp đèn chiếu sáng phía trước đã ố vàng bị bể kích thước 24 x 9cm, không sửa chữa được, thay mới hoàn toàn. Giá trị định giá: 550.000 đồng.

+ Nhựa ốp đồng hồ xe bị bể và nứt, kích thước 40 x 31 cm, không sửa

chữa được, thay mới hoàn toàn. Giá trị định giá: 300.000 đồng.

+ Nhựa ốp đèn sau màu đỏ bị bể và nứt, kích thước 17x12cm, không sửa chữa được, thay mới hoàn toàn. Giá trị định giá: 100.000 đồng.

Tổng giá trị định giá loại tài sản nêu trên là: 950.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 59/CT-VKSTH ngày 10-10-2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố Lê Thị T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự và truy tố Lê Văn T2 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lê Thị T khai thương tích của bà Nguyễn Kim L2 1% là do bị cáo dùng gạch chọi bị bể văng ra trúng vào chân, thương tích bà Nguyễn Thị T3 1% là do bị cáo dùng cây búa đánh trúng vào lưng và bị cáo có dùng gạch đập vào xe mô tô biển số: 66K1-02107 của bà L2 đang đậu trong nhà bị hư hỏng, bị cáo đồng ý bồi thường cho bà L2 và bà T3 theo quy định pháp luật, bị cáo đã nộp 400.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại. Bị cáo T khai từ trước giờ không có nộp giấy tờ gì có công cách mạng để hưởng tình tiết giảm nhẹ, chỉ có nộp sổ hộ nghèo. Bị cáo khai bị cô Nguyễn Kim K đánh mà giám định bị cáo tỷ lệ 0%, bị cáo yêu cầu cô K bồi thường tổng số tiền 12.208.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lê Văn T2 khai khi nghe cô K đánh nhau với mẹ là bị cáo Lê Thị T, nên bị cáo chạy qua, lúc này thấy mẹ là bị cáo T dùng gạch chọi vô nhà bà L2, làm cho bà L2 bị thương tích ở chân, rồi bị cáo T vào nhà bà L2 dùng gạch đập vào xe mô tô của bà L2 bị hư hỏng, sau đó bị cáo T thấy bà Nguyễn Thị T3 đi ngang qua nhà của T7 là em của bị cáo, rồi bị cáo T vào nhà T7 lấy cây búa chạy ra đánh một cái trúng vào lưng bà T3 bị thương tích, ông Lê Văn S chồng bà T3 chạy lại thì bị cáo và ông S đánh nhau bằng tay, bị cáo đẩy ông S té ngã xuống đường đal bị thương tích. Bị cáo T2 khai từ trước giờ không có nộp giấy tờ gì có công cách mạng để hưởng tình tiết giảm nhẹ, nay bị cáo đồng ý bồi thường cho ông S theo quy định pháp luật. Bị cáo T2 đã nộp 1.000.000 đồng để khắc phục bồi thường cho bị hại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại Nguyễn Kim L2 yêu cầu bị cáo Lê Thị T bồi thường số tiền 4.010.000 đồng (Trong đó gồm: Chiếc xe mô tô bị hư hỏng phải sửa chữa lại số tiền 1.010.000 đồng, chi phí điều trị thương tích 500.000 đồng, thu nhập bị mất do nằm viện 4 ngày x 300.000 đồng = 1.200.000 đồng, tiền tổn thất về tinh thần 1.300.000 đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm bị hại Nguyễn Thị T3 yêu cầu bị cáo Lê Thị T bồi thường số tiền 5.000.000 đồng (Trong đó gồm: Chi phí điều trị thương tích 1.000.000 đồng, thu nhập bị mất do nằm viện 5 ngày x 300.000 đồng = 1.500.000 đồng, tiền tổn thất về tinh thần 2.500.000 đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm bị hại Lê Văn S yêu cầu bị cáo Lê Văn T2 bồi thường số tiền 10.000.000 đồng (Trong đó gồm: Chi phí điều trị thương tích 2.000.000 đồng, thu nhập bị mất do nằm viện 7 ngày x 300.000 đồng =

2.100.000 đồng, tiền tổn thất về tinh thần 5.900.000 đồng).

Tại phiên Tòa sơ thẩm chị Nguyễn Kim K khai là do bà Lê Thị T đã có mâu thuẫn với chị K và gia đình cha mẹ chị K và bà T cũng không đồng ý coi chị là con dâu, nên gặp chị ở đâu là bà kiểm chuyện, nên vào buổi chiều ngày 25-5-2024 khi bà T chạy xe ngang qua nhà gặp chị K thì bà dừng xe lại chửi và đánh chị K, rồi hai người ôm nhau té ngã xuống đường không ai bị thương tích gì cả, được mọi người can ra chị K sợ có chuyện nên bỏ đi khỏi nhà, sau đó sự việc thế nào chị K không biết. Nay chị K không đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của bà T.

Tại phiên Tòa sơ thẩm bị cáo Lê Văn T2 đồng ý bồi thường 10.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại ông Lê Văn S.

Tại phần luận tội, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự và truy tố Lê Văn T2 phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lê Thị T phạm tội là người đủ 70 tuổi, tại phiên Tòa thành khẩn khai báo và có nộp số tiền 400.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả, bị cáo thuộc hộ nghèo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, o khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Văn T2 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và có nộp số tiền 1.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, Điều 38; điểm b, s, o khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị T mức án từ 06 (S) đến 09 (Chín) tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T2 mức án từ 06 (S) đến 09 (Chín) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự các Điều 584, 585, 586, 589 và 590 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Lê Thị T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Kim L2 giá trị tài sản xe mô tô bị hư hỏng số tiền 1.010.000 đồng và những chi phí hợp lý về thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, thu nhập thực tế bị mất và tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật và bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị T3 những chi phí hợp lý về thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, thu nhập thực tế bị mất và tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật.

Đề nghị công nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Lê Văn T2 và bị hại Lê Văn S, bị cáo Lê Văn T2 bồi thường cho ông Lê Văn S số tiền 10.000.000 đồng, gồm những chi phí điều trị, thu nhập thực tế bị mất, tổn

thất về tinh thần.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, tiêu hủy: 01 cây búa chiều dài 32,5cm, phần cán bằng gỗ dài 30cm, phần lưỡi bằng kim loại dẹp ở hai đầu, rộng 2,5cm, dài 12,5cm; 03 viên gạch ống; nửa viên gạch thẻ; 04 cục đá (loại đá 4x6) và nửa miếng gạch tàu (loại gạch dùng để lót nền).

Đối với 01 xe mô tô biển số: 66K1-021.07 bị hư hỏng một số bộ phận (nhựa ốp đèn chiếu sáng, nhựa ốp đồng hồ, nhựa ốp đèn sau), xe đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã xử lý trả lại cho bị hại Nguyễn Kim L2 là phù hợp.

Đối với 01 đoạn video clip ghi lại diễn biến vụ việc vào ngày 25-5-2024 thì lưu vào hồ sơ vụ án.

Tại phần tranh luận các bị cáo và các bị hại không có tranh luận. Riêng bị cáo Lê Thị T chỉ có ý kiến do mâu thuẫn nhiều năm với gia đình chị K, bà L2, nay bị cáo thừa nhận gây thương tích cho bà L2 và bà T3 là sai trái vi phạm pháp luật.

Tại phần tranh luận ông Ngô Quang Thế L người bào chữa cho bị cáo Lê Thị T trình bày: Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị T thành khẩn khai báo thừa nhận sai trái vi phạm pháp luật, có nộp 400.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; bị cáo T là người già trên 70 tuổi thuộc hộ nghèo, nên bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s, o khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo T mức hình phạt thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, Kiểm sát viên trong quá trình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, riêng chỉ có bị cáo Lê Thị T khiếu nại việc không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của Nguyễn Kim K. Xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, mặc dù tại Cơ quan điều tra bị cáo Lê Thị T chưa thành khẩn khai

báo về hành vi phạm tội. Bị cáo Lê Thị T đã dùng gạch và đá là hung khí nguy hiểm ném vào nhà làm văng trúng vào đùi trái của bị hại Nguyễn Kim L2 gây tổn thương cơ thể 01% và dùng gạch đập vào xe mô tô bà L2 bị hư hỏng, bị cáo T dùng cây búa là hung khí nguy hiểm đánh gây tổn thương cơ thể của bị hại Nguyễn Thị T3 01%, còn bị cáo Lê Văn T2 dùng tay đánh gây tổn thương cơ thể của bị hại Lê Văn S 13%. Sự việc xảy ra vào ngày 25-5-2024 tại nhà bà Nguyễn Kim L2 thuộc ấp B, xã T, huyện T.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người trên 18 tuổi đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đầy đủ năng lực hành vi trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo đều thừa nhận thương tích của các bị hại là do các bị cáo gây ra là phù hợp với kết luận giám định thương tích trên cơ thể các bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những phân tích trên, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Thị T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Lê Văn T2 phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Tại điểm a khoản 1 Điều 134 quy định:

“a) Dùng hung khí nguy hiểm;”.

[4] Xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của công dân cụ thể là bị cáo Lê Thị T xâm hại sức khỏe của bị hại Nguyễn Kim L2 tổn thương cơ thể 01% và dùng cây búa là hung khí nguy hiểm đánh gây tổn thương cơ thể của bị hại Nguyễn Thị T3 01%, còn bị cáo Lê Văn T2 dùng tay đánh gây tổn thương cơ thể của bị hại Lê Văn S 13% với lỗi cố ý trực tiếp làm cản trở khả năng vận động bình thường của cơ thể và ảnh hưởng đến quá trình sinh hoạt, lao động thường ngày. Hành vi của các bị cáo còn xâm phạm trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang trong cộng đồng dân cư, ảnh hưởng đến cuộc sống bình yên của nhân dân. Hành vi của các bị cáo còn thể hiện tính hung hăng, coi thường tính mạng sức khỏe của người khác.

Do đó cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, có xem xét vai trò của từng bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm có điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, nhằm cũng để răn đe và phòng ngừa chung. Nhưng Hội đồng xét xử có xem xét đến tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lê Thị T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, có nộp 400.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, lúc phạm tội bị cáo là người đủ 70 tuổi và thuộc hộ gia đình nghèo (có sổ hộ nghèo). Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, o khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo Lê Thị T có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử có xem áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử dưới khung hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

Bị cáo Lê Văn T2 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, có nộp 1.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả cho bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi của bị cáo Lê Thị T dùng gạch đập vào xe mô tô của bị hại Nguyễn Kim L2 chỉ thiệt hại giá trị 950.000 đồng chưa đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự, nên không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586, 589, 590 của Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu đòi bồi thường của các bị hại Nguyễn Kim L2 và Nguyễn Thị T3 đối với bị cáo Lê Thị T.

Buộc bị cáo Lê Thị T có trách nhiệm thường cho bị hại Nguyễn Kim L2 số tiền thuốc điều trị bệnh và các khoản là 4.010.000 đồng (Trong đó gồm: Chiếc xe mô tô bị hư hỏng phải sửa chữa lại số tiền 1.010.000 đồng, chi phí điều trị thương tích 500.000 đồng, thu nhập bị mất do nằm viện 4 ngày x 300.000 đồng = 1.200.000 đồng, tiền tổn thất về tinh thần 1.300.000 đồng), và bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị T3 số tiền thuốc điều trị bệnh và các khoản là 5.000.000 đồng (Trong đó gồm: Chi phí điều trị thương tích 1.000.000 đồng, thu nhập bị mất do nằm viện 5 ngày x 300.000 đồng = 1.500.000 đồng, tiền tổn thất về tinh thần 2.500.000 đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền 400.000 đồng do bị cáo T đã nộp để khắc phục một phần hậu quả tại Chi cục Thi hành án huyện Tân Hồng, theo biên lai thu tiền số: 0000271 ngày 13-12-2024. Vậy bị cáo Lê Thị T còn phải bồi thường số tiền là 8.610.000 đồng.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Lê Văn T2 và bị hại Lê Văn S, bị cáo Lê Văn T2 có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Lê Văn S số tiền thuốc điều trị bệnh và các khoản là 10.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo T2 đã nộp để khắc phục một phần hậu quả tại Chi cục Thi hành án huyện Tân Hồng, theo biên lai thu tiền số: 0000270 ngày 13-12-2024. Vậy bị cáo Lê Văn T2 còn phải bồi thường số tiền là 9.000.000 đồng.

Việc bị cáo Lê Thị T yêu cầu Nguyễn Kim K bồi thường số tiền 12.208.000 đồng, chị K không đồng ý bồi thường, xét thấy tách ra giải quyết vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây búa chiều dài 32,5cm, phần cán bằng gỗ dài 30cm, phần lưỡi bằng kim loại dẹp ở hai đầu, rộng 2,5cm, dài 12,5cm; 03 viên gạch ống; nửa viên gạch thẻ; 04 cục đá (loại đá 4x6) và nửa miếng gạch tàu (loại gạch dùng để lót nền).

Đôi 01 đoạn video clip ghi lại diễn biến vụ việc vào ngày 25-5-2024 thì lưu hồ sơ vụ án.

Đối với 01 xe mô tô biển số: 66K1-021.07 bị hư hỏng một số bộ phận (nhựa ốp đèn chiếu sáng, nhựa ốp đồng hồ, nhựa ốp đèn sau), xe đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã xử lý trả lại cho bị hại Nguyễn Kim L2 là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị T được miễn 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, do bị cáo là người cao tuổi và thuộc hộ nghèo.

Bị cáo Lê Văn T2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Xét thấy ông Ngô Quang Thế L Trợ giúp viên pháp lý trình bày lời bào chữa cho bị cáo Lê Thị T, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất, và cho bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội ở địa phương, nên cần phải xử nghiêm đối với bị cáo, nên không thể chấp nhận đề nghị cho bị cáo hưởng án treo. Bởi vì nhân thân của bị cáo không tốt có một tiền sự về hành vi “Gây rối trật tự nơi công cộng” bị Công an thị trấn S, huyện T xử phạt 400.000 đồng vào ngày 26-4-2024 chưa nộp phạt, có một tiền án về tội “Gây rối trật tự nơi công cộng” bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 20 tháng tù (đã xóa án tích). Hơn nữa các bị hại cũng rất bức xúc đối với bị cáo và chính quyền địa phương cũng yêu cầu xử nghiêm.

[9] Xét thấy phát biểu luận tội và đề nghị xử lý vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận. Nhưng xét về mức hình phạt đối với bị cáo Lê Thị T, thì Hội đồng xét xử có xem xét xử thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử dưới khung hình phạt là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 38; Điểm b, s, o khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị T 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 590 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Thị T có trách nhiệm thường cho bị hại Nguyễn Kim L2 số tiền thuốc điều trị bệnh và các khoản là 4.010.000 đồng và bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị T3 số tiền thuốc điều trị bệnh và các khoản là 5.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 400.000 đồng do bị cáo T đã nộp để khắc phục một phần hậu quả tại Chi cục Thi hành án huyện Tân Hồng, theo biên lai thu tiền số: 0000271 ngày 13-12-2024. Vậy bị cáo Lê Thị T còn phải bồi thường số tiền là 8.610.000 đồng.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Lê Văn T2 và bị hại Lê Văn S, bị cáo Lê Văn T2 có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Lê Văn S số tiền thuốc điều trị bệnh và các khoản là 10.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo T2 đã nộp để khắc phục một phần hậu quả tại Chi cục Thi hành án huyện Tân Hồng, theo biên lai thu tiền số: 0000270 ngày 13-12-2024. Vậy bị cáo Lê Văn T2 còn phải bồi thường số tiền là 9.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây búa chiều dài 32,5cm, phần cán bằng gỗ dài 30cm, phần lưỡi bằng kim loại dẹp ở hai đầu, rộng 2,5cm, dài 12,5cm; 03 viên gạch ống; nửa viên gạch thẻ; 04 cục đá (loại đá 4x6) và nửa miếng gạch tàu (loại gạch dùng để lót nền).

Đôi 01 đoạn video clip ghi lại diễn biến vụ việc vào ngày 25-5-2024 thì lưu hồ sơ vụ án.

(Các vật chứng nêu trên hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11 tháng 10 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị T được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm, do bị cáo là người cao tuổi và thuộc hộ nghèo.

Bị cáo Lê Văn T2 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25-12-2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Tân Hồng;
- Cơ quan THAHS CA huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- UBND thị trấn S;
- UBND xã T;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tựu